

Bản án số: 143/2022/ DS-PT
Ngày: 09-8-2022
V/v Tranh chấp về đòi trả lại tài sản,
bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022 về Tranh chấp về đòi trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2022/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn V (có mặt)

Cư trú tại: Thôn Gia Tr, xã Ân Đ, huyện H, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông Lưu Văn D (có mặt)

Cư trú tại: Thôn Phú Th, xã Ân Đ, huyện H, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đoàn Minh C (vắng)

2. Bà Nguyễn Thị Thanh V1 (vắng)

Cùng cư trú tại: Thôn Gia Đ, xã Ân Đ, huyện H, tỉnh Bình Định.

3. Bà Thái Thị Thu B (có đơn xin vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn Gia Tr, xã Ân Đ, huyện H, tỉnh Bình Định.

4. Bà Nguyễn Thị C1 (có mặt)

Cư trú tại: Thôn Phú Th, xã Ân Đ, huyện H, tỉnh Bình Định.

5. Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ân Đ (có đơn xin vắng mặt)

Trụ sở: Thôn Đức L, xã Ân Đ, huyện H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T – Chủ tịch UBND xã Ân Đ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng H – Phó Chủ tịch.

6. Ủy ban nhân dân huyện H (có đơn xin vắng mặt)

Trụ sở: 04 Lê D, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Kh – Chủ tịch UBND huyện H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn V2 – Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện Hoài Ân.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn V – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Văn V trình bày:

Năm 1999, vợ chồng ông có mua của ông Đoàn Minh C, bà Nguyễn Thị Thanh V1 một ngôi nhà tại dốc Truông Sỏi thuộc xã Ân Đ, huyện H với giá 14 chỉ vàng 24k, ngôi nhà có chiều rộng là 4,5m; chiều dài thì ông không nhớ. Đất đó nguyên là đất của ông Lưu Văn D ở thôn Phú Th, xã Ân Đ đã bán cho vợ chồng ông C. Diện tích đất thì ông không biết, nhưng nhà và đất có liên kề với thửa đất Nhà nước cấp cho ông Lưu Văn D. Sau một thời gian sử dụng, do có việc gia đình nên vợ chồng ông phải về thôn Gia Tr, xã Ân Đ ở nên không trông coi được ngôi nhà. Ông Lưu Văn D có đất, nhà liền kề đã tự tháo dỡ ngôi nhà của ông, lấy đi các tài sản trong nhà của vợ chồng ông gồm: Tủ, giường, bàn lúc ông làm nghề chụp ảnh, phô tô để lại. Ông đã báo cáo với Công an xã Ân Đ, với UBND xã Ân Đ giải quyết nhưng không có kết quả. Ông tiếp tục khởi kiện ông Lưu Văn D đến Tòa án nhân dân huyện H, yêu cầu giải quyết: Buộc ông D phải trả lại các tài sản đã chiếm dụng của ông gồm tủ, giường, bàn; buộc ông D phải bồi thường thiệt hại về ngôi nhà ông D đã tháo dỡ của ông theo quy định của pháp luật. Ông còn yêu cầu Tòa án giải quyết về hành vi của ông D bán đất cho vợ chồng ông C, để vợ chồng ông C bán lại cho ông mà không phải đất của ông D.

Bị đơn ông Lưu Văn D trình bày:

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông V, ông bác bỏ việc ông V cho rằng: Ông tự tháo dỡ ngôi nhà của ông V. Ngôi nhà của ông V không sử dụng nên kiến, mối đã ăn làm hư hỏng xập lán qua đất nhà ông, ông đã nhiều lần đề nghị ông V dọn để tránh kiến, mối lây lan, rắn ở. Ông V không dọn, ông sợ mối lây lan, rắn ở nên có dọn để sang một bên, ông không tự phá dỡ nhà ông Viên. Về tài sản của ông V khai: Tủ, bàn, giường của ông V thì ông không chiếm giữ và không chịu trách nhiệm.

Về lô đất: Năm 1993 ông C có nhu cầu làm nhà quán, có hỏi ông mua mặt bằng đất ông khai dỡ đất gò, diện tích mặt bằng là (rộng 04,5m; dài 08m) liền kề đất ông ở, thời gian này chưa được cấp giao giấy CNQSDĐ. Ông đồng ý có sang nhượng lại đất nền để ông C, bà V1 làm quán may, được UBND xã Ân Đ đồng ý. Ông V mua nhà và đất của ông C, bà V1 là việc của hai bên, ông không liên quan nên không chịu trách nhiệm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đoàn Minh C, bà Nguyễn Thị Thanh V1 thống nhất trình bày: Vợ chồng ông bà có sang nhượng lại của ông D thửa đất để làm nhà quán, (chiều rộng 04,5m; chiều dài 08m) tại dốc Truong Sỏi là đúng. Sau một thời gian làm quán may, vợ chồng ông bà không sử dụng nữa nên có bán lại cho vợ chồng ông V, bà B nhà và đất với giá 14 chỉ vàng 24k để làm nghề. Theo vợ chồng ông bà nghĩ đó là đất ông D bán hợp pháp nên đã mua, sau này không sử dụng nữa nên bán lại cho ông V. Nay ông V kiện ông D thì Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật, vợ chồng ông bà không có ý kiến gì.

2. Bà Thái Thị Thu B trình bày: Bà là vợ ông V, bà thống nhất như trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông V.

3. Bà Nguyễn Thị C1: Tòa đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà C1 vắng mặt nên không có lời khai.

4. Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã Ân Đ trình bày: Hồ sơ cấp đất của ông Lưu Văn D là thửa đất số 1305, tờ bản đồ số 08, diện tích 100m², mục đích sử dụng đất ở tại thôn Phú Th, xã Ân Đ, huyện H, tỉnh Bình Định. Thửa đất này Nhà nước đã giao cấp cho hộ ông Lưu Văn D theo giấy CNQSDĐ số 06660 QSDĐ/, ngày 25/9/1993 là đúng với quy định của pháp luật. Thửa đất số 1306, tờ bản đồ số 08 liền kề với số thửa 1305 là đất dự phòng do UBND xã Ân Đ quản lý, nằm trong hành lang giao thông, hiện chưa giao cấp cho cá nhân, tổ chức nào. Ông Phạm Văn V tranh chấp nhà và đất đối với ông Lưu Văn D là thuộc thửa đất số 1306, tờ bản đồ số 08 hiện do UBND xã Ân Đ quản lý.

Về việc ông Phạm Văn V khiếu nại ông Lưu Văn D tháo dỡ nhà, chiếm đoạt tài sản, Công an xã Ân Đ, UBND xã Ân Đ có kiểm tra và có mời các bên đến giải quyết, nhưng ông D không có mặt. Về tài liệu hiện trường, hồ sơ giải quyết vụ việc hiện nay UBND xã Ân Đ không lưu trữ nên không cung cấp cho Tòa án.

5. Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện H trình bày: Về khiếu nại của ông Phạm Văn V đối với ông Lưu Văn D tại thời điểm đó UBND xã Ân Đ không báo cáo xử lý nên UBND huyện H không lưu giữ tài liệu. Về thửa đất số 1306, tờ bản đồ số 08, thuộc hành lang giao thông, là đất dự phòng do UBND xã Ân Đ quản lý, chưa giao cấp cho ai. Ông V, bà B đã có một thời gian sử dụng, có tài sản trên đất nên nay ông V, bà B có nhu cầu thì làm đơn đề các cấp xem xét.

Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu đòi trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của ông Phạm Văn V.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 09/3/2022, nguyên đơn ông Phạm Văn V kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu ông Lưu Văn D trả lại đất đai đã bán cho ông C và sau đó ông C đã bán lại cho ông V; Khôi phục lại căn nhà của ông V do ông Lưu Văn D đập phá; Trả lại toàn bộ tài sản mà ông Lưu Văn D đã chiếm đoạt trong quá trình tháo dỡ căn nhà của ông.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh C, bà Nguyễn Thị Thanh V1, bà Thái Thị Thu B, đại diện UBND xã Ân Đ, đại diện UBND huyện H vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai (bà B và đại diện UBND huyện H, đại diện UBND xã Ân Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt), theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn V, HĐXX thấy rằng:

Năm 1993 vợ chồng ông Đoàn Minh C, bà Nguyễn Thị Thanh V1 ở thôn Gia Đ, xã Ân Đ có nhu cầu mua đất làm nhà quán hành nghề may nên có sang nhượng lại của ông Lưu Văn D ở thôn Phú Th, xã Ân Đ một diện tích đất nền (rộng 4,5m x dài 08m) được UBND xã Ân Đ xác nhận và đồng ý cho vợ chồng ông C, bà V làm quán may. Ngày 15/6/1999, vợ chồng ông C, bà V không có nhu cầu sử dụng nữa nên sang nhượng lại nhà đất cho vợ chồng ông Phạm Văn V, bà Thái Thị Thu B làm nơi kinh doanh chụp ảnh, phô tô.

Ông V cho rằng ngôi nhà quán của ông đã bị ông D tháo dỡ, các tài sản trong ngôi nhà gồm có: Bàn, tủ, giường đã bị ông D chiếm giữ nên ông yêu cầu Tòa án buộc ông D bồi thường ngôi nhà, buộc ông D trả lại bàn, tủ, giường nhưng ông D không thừa nhận và ông V cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để buộc ông D trả tài sản, bồi thường tài sản như ông V yêu cầu.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì phần đất ông D chuyển nhượng cho vợ chồng ông C và vợ chồng ông C chuyển nhượng cho vợ chồng ông V là một phần thửa đất số 1306, tờ bản đồ số 08, là đất dự phòng do UBND xã Ân Đ quản lý, nằm trong hành lang giao thông, hiện chưa giao cấp cho cá nhân, tổ chức nào, UBND huyện H có ý kiến: Nếu ông V, bà B có nhu cầu sử dụng thì làm đơn để UBND huyện H xem xét. Nên ông V đòi lại đất do nhà nước quản lý là không có cơ sở.

Ngoài ra, ông V yêu cầu xử lý hành vi của ông D lấy đất của Nhà nước bán cho ông C, để ông C bán lại cho ông V không đúng pháp luật. Tuy nhiên, các bên không có yêu cầu tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này các bên có tranh chấp thì Tòa án có thẩm quyền sẽ xem xét thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Phạm Văn V là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Phạm Văn V phải chịu 200.000 đồng. Được khấu trừ vào 200.000 đồng tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu số 00183 ngày 02/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, ông V đã nộp xong.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Phạm Văn V phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010549 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, ông V đã nộp xong.

[4] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Phạm Văn V phải chịu 1.300.000 đồng chi phí định giá tài sản, ông V đã nộp xong.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn V, giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của ông Phạm Văn V là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 166, 170 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 48/2022/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

2. Không chấp nhận yêu cầu đòi trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm của ông Phạm Văn V.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn V phải chịu 200.000 đồng. Được khấu trừ vào 200.000 đồng tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu số 00183 ngày 02/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, ông V đã nộp xong.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn V phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu tiền số

0010549 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, ông V đã nộp xong.

4. Về chi phí tố tụng:

Chi phí định giá tài sản: ông Phạm Văn V phải chịu 1.300.000 đồng chi phí định giá tài sản, ông V đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng